

SỞ Y TẾ TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC TÂN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /TB-TTYT

Tân Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá trang phục y tế năm 2025

Kính gửi: Quý công ty, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá kế hoạch làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung cấp và may trang phục bảo hộ lao động năm 2025 với các nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh.

Địa chỉ: số 49, Trần Hưng Đạo, Khu phố 14, P. Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Phòng Tổ chức - Hành chính Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh

- Số điện thoại: 0276.3817157

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đề nghị quý công ty gửi bản báo giá giấy có đóng dấu và bản báo giá qua email theo hình thức cụ thể như sau:

- Nhận bản giấy: Phòng Tổ chức - Hành chính Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh , địa chỉ: số 49, Trần Hưng Đạo, Khu phố 14, P. Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua email: trungtamYTEKHUVUCTANNINH@tayninh.gov.vn File mềm và file Scan (PDF) báo giá.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành thư mời báo giá đến trước 16 giờ 00 phút ngày 3/10/2025. (Các báo giá nhận sau thời gian này không được xem xét).

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày kể từ ngày 3/10/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục: Trang phục Y tế mời chào giá chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh .

3. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Hồ sơ báo giá:

- Bảng báo giá. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và các chi phí khác.

- Giấy đăng ký kinh doanh/ giấy phép hoạt động, xác nhận mã ngành nghề đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

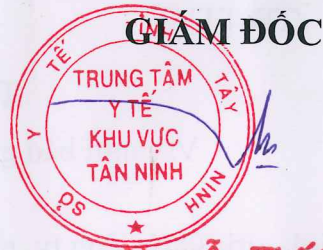
- Giấy (phiếu) kiểm định vải kèm theo

5. Các thông tin khác: Đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá theo biểu mẫu chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải cổng mua sắm công;
- Đăng tải Web đơn vị;
- Lưu: VT, BMT.



Nguyễn Thế Ngọc



PHỤ LỤC 01: DANH MỤC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: **16** /TB-TTYT ngày **19/9/2025** của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh)

ST T	MÔ TẢ	TIÊU CHÍ VẢI	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bác sĩ	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo blouse dài tay cài cúc giữa, cổ bẻ danton, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông có đai Quần: Vật liệu: vải kaki, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1 ; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77%±1 ; Cotton 23% ±1 - Quần âu hai ly, hai túi chéo, một túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	64	Căn cứ Thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế về việc quy định trang phục y tế
2	Dược sĩ	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo blouse dài tay, cài cúc giữa, cổ 2 ve, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông	Bộ	26	

		Quần: Vật liệu: vải kaki, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1 ; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77%±1 ; Cotton 23% ±1 - Quần âu hai ly, hai túi chéo, một túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.		
3	KTV Xét nghiệm	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo blouse ngắn tay, cài cúc giữa, cổ 2 ve, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 2 túi chéo, 1 túi ngực, phía sau xẻ giữa tới ngang hông Quần: Vật liệu: vải kaki, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 484 ±1; Ngang 269 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 737/Z ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.4 ±0.1 ; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77%±1 ; Cotton 23% ±1 - Quần âu hai ly, hai túi chéo, một túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	10
4	Cử nhân điều dưỡng	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 77%±1 ; Cotton 23% ±1	Bộ	28

		Polyester 65% ± 1; Cotton 35% ± 1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m^2): 245 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ± 1; Ngang 332 ± 1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $819/\text{S} \pm 1$; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ± 0.1; Ngang -5.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ± 1; Rayon 23 % ± 1; Spandex 3% ± 1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.		
5	Điều dưỡng cao đẳng, điều dưỡng trung học	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m^2): 158 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ± 1; Ngang 260 ± 1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $845/\text{S} \pm 1$; Ngang $768/\text{S} \pm 1$ + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ± 0.1; Ngang -1.8 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ± 1; Cotton 35% ± 1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m^2): 245 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ± 1; Ngang 332 ± 1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $819/\text{S} \pm 1$; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ± 0.1; Ngang -5.4 ± 0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ± 1; Rayon 23 % ± 1; Spandex 3% ± 1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	18
6	Cử nhân điều dưỡng phụ sản	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m^2): 158 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ± 1; Ngang 260 ± 1 + Độ săn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc $845/\text{S} \pm 1$; Ngang $768/\text{S} \pm 1$	Bộ	8

		+ Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.		
7	Hộ sinh	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	6
8	Cử nhân YTCC	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1	Bộ	10

		+ Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.			
9	Y sĩ	Áo: Vật liệu: vải kate For, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 158 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 280 ±1; Ngang 260 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 845/S ±1; Ngang 768/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -3.0 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo kiểu ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi đắp Quần: Vật liệu: vải kaki thun, màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 245 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 464 ±1; Ngang 332 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 819/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -2.2 ±0.1; Ngang -5.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74% ±1; Rayon 23 % ±1; Spandex 3% ±1. - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau Mũ màu trắng cùng chất liệu vải áo.	Bộ	15	

10	Khối hành chính	Áo: Vật liệu: vải kate ý màu trắng có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 123 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc 375 ±1 ; Ngang 316 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 875/S ±1 ; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.5 ±0.1; Ngang -0.4 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1 ; Rayon 25% ±1 - Áo sơ mi dài tay Quần: Vật liệu: vải kaki, màu xanh đen có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 397 ±1; Ngang 292 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 20% ±1; Spandex 5% ±1 - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau	Bộ	30
11	Bảo vệ	Áo: Vật liệu: vải kate For màu xanh đen có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 137 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 250 ±1; Ngang 255 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 862/S ±1; Ngang 858/S ±1 + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -1.8 ±0.1; Ngang -1.8 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 65% ±1; Cotton 35% ±1 - Áo buzon ngắn tay (tay lơ vê), có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp Quần: Vật liệu: vải kaki, màu xanh đen có các thông số như sau: + Khối lượng vải (g/m²): 258 ±1 + Mật độ vải (sợi/10 cm): Dọc 397 ±1; Ngang 292 ±1 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 852/S ±1; Ngang sợi Filament, không có xoắn + Sự thay đổi kích thước sau khi giặt (%): Dọc -0.6 ±0.1; Ngang -0.6 ±0.1 + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75% ±1; Rayon 20% ±1; Spandex 5% ±1 - Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, 1 túi sau	Bộ	4



PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 16 /TB-TTYT ngày 19 tháng 9 năm 2025

của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá danh mục dịch vụ theo yêu cầu của Trung tâm như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả tiêu chí kỹ thuật, quy cách, ...	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hoá A					
n	...					

Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày kết thúc nhận báo giá theo Thông báo].

3. Giá trên báo giá đã bao gồm các loại thuế và chi phí khác

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))